TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 130 /2019/HS-PT
Ngày: 22-8-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Kế Nghiệp**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Minh Triều**

Bà **Trần Thị Trâm Anh**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trịnh Kim Cương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang*** tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Nhung -** Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2019/TLPT-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị M cùng đồng bọn do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm 14/2019/HS-ST ngày 29 tháng 03 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị M - sinh năm 1967

Nơi cư trú: Ấp M1, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 2/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Nguyễn Văn S (Đã chết) và bà: Phan Thị Đ (Đã chết); Anh (chị) em ruột: gồm 6 người, lớn nhất, sinh năm 1957, nhỏ nhất, sinh năm 1977, Bị cáo là người con thứ 4 trong gia đình; Bị cáo có chồng: Nguyễn Văn V, sinh năm 1966; Con: 2 người, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1997.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Vào ngày 06/3/2018 bị công an xã S xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi đánh bạc.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường Đ, thành phố H1, tỉnh Kiên Giang

Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 3/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông: Nguyễn Đức T, sinh năm 1960 và bà Trần Bích T1, sinh năm 1962; Anh (chị) em ruột: gồm 6 người, lớn nhất, sinh năm 1980, nhỏ nhất, sinh năm 1993, Bị cáo là người con thứ 2 trong gia đình; Bị cáo có chồng: Nguyễn Văn P, sinh năm 1958 (Đã ly hôn)**;** Con: 3 người con: Lớn nhất, sinh năm 2005, nhỏ nhất, sinh năm 2013.

Tiền án: Vào ngày 04/01/2018 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội " Đánh bạc". Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HSST; Ngày 04/01/2018. (Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại phải chấp hành theo bản án là 12 (mười hai) tháng 06 (sáu) ngày, bị cáo chưa chấp hành hình phạt.

Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Dương Thị Thanh T, sinh năm 1971**.**

Nơi cư trú: Ấp M1, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Nghề nghiệp: mua bán; Con ông: Dương Văn C (Đã chết) và bà Hồ Thị Kim H, sinh năm 1941; Anh (chị) em ruột: gồm 5 người, lớn nhất, sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1980, Bị cáo là người con thứ 4 trong gia đình; Bị cáo có chồng: Đỗ Văn H1 - sinh năm 1955 (Đã chết); Con: 2 người, con lớn, sinh năm 1993, con nhỏ, sinh năm 1999.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 232/2012/HSPT; ngày 24/10/2012 bị tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 1 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt và đương nhiên được xóa án tích.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. **Nguyễn Đức N**, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 4/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông: Nguyễn Đức T - sinh năm 1960 và bà Trần Bích T1 – sinh năm 1962; Anh (chị) em ruột: gồm 6 người, lớn nhất - 1980, nhỏ nhất, sinh năm 1993, Bị cáo là người con thứ 3 trong gia đình; Bị cáo có vợ: Nguyễn Trúc L, sinh năm 1985; Con: 01 người, sinh năm 2010.

Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 50/2007/HSST, ngày 18/9/2007 bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang xử phạt 12 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, đã chấp hành xong hình phạt và đương nhiên được xóa án tích.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Dương Thị Thanh T:

Luật sư **Trần Việt Q** - Văn phòng luật sư Trần Hoàng H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. *(Có mặt).*

(Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Thị Ánh H, Kiều Thị M, Trịnh Văn C, Nguyễn Thị H1 (Q), Trần Thúy H2, Cù Văn T, Nguyễn Thị S, Lê Thị N, Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn T không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 17/3/2018, sau khi nhận được tin báo của quần chúng. Công an huyện Hòn Đất kết hợp với công xã S, huyện H tiến hành bắt quả tang sòng bạc đang đánh ăn thua bằng tiền, tại nhà anh Nguyễn Thành L (T) ở ấp M1, xã S, huyện H (lúc này anh L không có ở nhà, đi làm ăn xa, giao nhà cho Nguyễn Thị M trông coi), sòng bạc do Nguyễn Thị M (chị anh L) đứng ra tổ chức và thu tiền xâu. Hình thức đánh bài binh 6 lá đếm nút, làm cái xoay vòng, mức độ ăn thua từ 20.000đ đến 100.000đ/tụ, Mưa thu tiền xâu người làm cái mỗi lần thắng là 10.000đ, tại sòng bạc Mưa thu được 110.000đ thì bị bắt quả tang.

Tang vật thu tại chiếu bạc gồm: 11.500.000đ tiền Việt Nam, 1 bộ bài tây (loại 52 lá) đã qua sử dụng, 3 bộ bài tây chưa qua sử dụng và 1 tấm bạt bằng cao su sọc trắng - xanh dùng để đánh bạc; thu giữ trên người các đối tượng tham gia đánh bạc 7.920.000đ gồm: Trịnh Văn C 1.000.000đ; Nguyễn Thị Ánh H 300.000đ; Kiều Thị M 700.000đ; Nguyễn Thị T 2.400.000đ; Nguyễn Đức N 2.550.000đ; Lê Thị N1 280.000đ; Nguyễn Thị H 600.000đ; Trần Thúy H1 90.000đ.

Sòng bạc bị bắt quả tang gồm 14 bị cáo: Nguyễn Thị M, Kiều Thị M1, Nguyễn Thị Ánh H, Trinh Văn C; Nguyễn Thị H1, Trần Thúy H2, Cù Văn T, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị T, Nguyễn Đức N, Dương Thị Thanh T, Lê Thị N, Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn T1.

Qua quá trình điều tra đã chứng minh được hành vi tổ chức đánh bạc và tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền của các bị cáo như sau:

1. Nguyễn Thị M: Trước khi bị bắt, vào ngày 06/3/2018 Mưa tổ chức đánh bạc ăn tiền tại nhà mình, đã bị công an xã S bắt quả tang và xử phạt hành chính 1.500.000đ về hành vi đánh bạc (đã chấp hành xong), đến ngày 15/3/2018 M chuyển địa điểm đến nhà anh Nguyễn Thành L để tổ chức đánh bạc ăn tiền và thu

tiền xâu, ngày 17/3/2018 Mưa đang tổ chức cho các đối tượng tham gia đánh bạc thì bị bắt quả tang. Hình thức thu tiền xâu là người làm cái nếu thắng thì đưa cho M 10.000đ/lần, Mưa không tham gia đánh bạc ăn tiền cùng với các bị cáo khác. Trong ngày 17/3/2018 M thu được 110.000đ thì sòng bạc bị bắt quả tang; trước đó ngày 15, 16/3/2018 M thu tiền xâu được 130.000đ. Khi bị bắt quả tang M không bị thu giữ tài sản gì.

2. Kiều Thị M1: Tối ngày 17/3/2018 sau khi đi tiệc cưới về M1 mang theo trong người 500.000đ ghé vào sòng bạc do M tổ chức, mục đích đánh bạc ăn tiền, thấy có hơn 10 người tham gia đánh bạc, mức độ ăn thua từ 50.000đ đến 100.000đ/tụ, Mười tham gia đặt nhiều lần thắng được 200.000đ, hùn làm cái với Nguyễn Thị Ánh H tới ván bài thứ 3 thì sòng bạc bị bắt quả tang. M1 bị thu giữ 700.000đ tiền Việt Nam, M1 mới tham gia đánh bạc ăn tiền lần đầu.

3. Nguyễn Thị Ánh H: Tối ngày 17/3/2018 sau khi đi tiệc cưới về H mang theo 300.000đ cùng với bị cáo M1 đến sòng bạc do M tổ chức để tham gia đánh bạc ăn tiền, lúc đầu Ánh H đặt tụ, sau đó cùng với M1 hùn tiền làm cái, khi sòng bạc bị bắt quả tang, Ánh H không ăn, không thua, bị tạm giữ 300.000đ, Ánh H mới tham gia đánh bạc ăn tiền lần đầu.

4. Trịnh Văn C: Tối ngày 17/3/2018 Chia mang theo 1.300.000đ đến sòng bạc do M tổ chức để đánh bạc ăn tiền, đến sòng bạc thấy có khoảng 13 người tham gia, khi vào chơi, Chia đặt tụ và làm cái nhiều ván bài. Đến khi sòng bạc bị bắt quả tang C thua 300.000đ, bị tạm giữ 1.000.000đ.

Ngoài ra qua điều tra chứng minh được trước đây Chia đã 2 lần tham gia đánh bạc ăn tiền tại sòng bạc do Mưa tổ chức; ngày 15/3/2018 thắng được 700.000đ, ngày 16/3/2018 thua 500.000đ.

5. Nguyễn Thị H1: H1 đi cùng với C đến sòng bạc để tham gia đánh bạc ăn tiền, khi đi H1 mang theo 600.000đ, đến sòng bạc H1 không tham gia đánh bạc mà nằm ở võng, khoảng 30 phút sau H1 vào sòng bạc tham gia đánh bạc ăn tiền cùng chung một tụ với C (do Chia bỏ tiền ra đánh bạc), tham gia được 4 ván, mỗi ván 100.000đ đều thua, Đến khi sòng bạc bị bắt H1 bị tạm giữ 600.000đ, H1 mới tham gia đánh bạc lần đầu.

6. Nguyễn Thị T2: Tối ngày 17/3/2018 T mang theo 2.300.000đ đến sòng bạc để tham gia đánh bạc ăn tiền. T2 tham gia nhiều ván, mỗi ván T2 đặt 30.000đ, về sau đặt chung tụ với Nguyễn Thị S, khi sòng bạc bị bắt, T2 bị tạm giữ 2.400.000đ.

Ngoài ra qua điều tra chứng minh được trước đây T2 đã 02 lần tham gia đánh bạc ăn tiền tại sòng bạc do M tổ chức; ngày 15/3/2018 Trinh thua 200.000đ, ngày 16/3/2018 thắng được 200.000đ.

7. Nguyễn Thị S: Tối ngày 17/3/2018 S mang theo 1.000.000đ đến sòng bạc do M tổ chức, mục đích tham gia đánh bạc ăn tiền, S tham gia đặt tụ chung với T, mỗi ván đặt 100.000đ (Sáu 50.000 đ,T 50.000 đ); S tham gia nhiều ván và thua hết tiền, khi sòng bạc bị bắt S không bị tạm giữ tài sản gì.

Ngoài ra qua điều tra chứng minh được S đã 2 lần tham gia đánh bạc ăn tiền tại sòng bạc do M tổ chức; ngày 15/3/2018 S và T tham gia đánh bạc ăn tiền, T thua 400.000đ, ngày 16/3/2018 Sáu không thua, không thắng số tiền nào.

8. Nguyễn Đức N: Tối ngày 17/3/2018 N mang theo 2.550.000đ đến sòng bạc do M tổ chức để đánh bạc ăn tiền, Nhân tham gia đặt tụ nhiều ván, không ăn, không thua, khi sòng bạc bị bắt quả tang N bị tạm giữ 2.550.000đ. N mới tham gia đánh bạc ăn tiền lần đầu.

9. Lê Thị N1: Tối ngày 17/3/2018 N1 mang theo 380.000đ đến sòng bạc do M tổ chức để đánh bạc ăn tiền, N1 tham gia đặt tụ nhiều ván, thua hết 90.000đ, khi sòng bạc bị bắt quả tang N1 bị tạm giữ 280.000đ. N1 mới tham gia đánh bạc ăn tiền lần đầu.

10. Dương Thị Thanh T: Tối ngày 17/3/2018 T mang theo 550.000đ đến sòng bạc do M tổ chức để đánh bạc ăn tiền, T tham gia đặt tụ 3 ván, thua hết tiền, khi sòng bạc bị bắt quả tang T không bị tạm giữ tài sản gì. T mới tham gia đánh bạc ăn tiền lần đầu.

11. Nguyễn Thị V: Tối ngày 17/3/2018 V mang theo 320.000đ đến sòng bạc do M tổ chức để đánh bạc ăn tiền, V tham gia đặt tụ nhiều ván, thua hết 300.000đ, khi sòng bạc bị bắt quả tang V không bị tạm giữ tài sản gì. V mới tham gia đánh bạc ăn tiền lần đầu.

12. Nguyễn Văn T1: Tối ngày 17/3/2018 T1mang theo 116.000đ đến sòng bạc do M tổ chức để đánh bạc ăn tiền, T1 tham gia đặt nhiều ván, thua hết tiền, khi sòng bạc bị bắt quả tang T1 không bị tạm giữ tài sản gì. T1 mới tham gia đánh bạc ăn tiền lần đầu.

13. Cù Văn T2: Tối ngày 17/3/2018 T2 mang theo 500.000đ đến sòng bạc do M tổ chức để đánh bạc ăn tiền, T2 tham gia đặt tụ và làm cái chung một tụ với Trần Thúy H nhiều ván, thua hết tiền nên đứng xem người khác chơi đánh bạc, khi sòng bạc bị bắt quả tang T2 không bị tạm giữ tài sản gì. T2 mới tham gia đánh bạc ăn tiền lần đầu.

14. Trần Thúy H2: Tối ngày 17/3/2018 H2 mang theo 540.000đ đến sòng bạc do M tổ chức để đánh bạc ăn tiền, H2 lấy ra 450.000đ tham gia đặt tụ và làm cái chung với Cù Văn T2 nhiều ván, thua hết tiền, khi sòng bạc bị bắt quả tang H2 bị tạm giữ 90.000đ. Vào ngày 15/3/2018 H2 tham gia đánh bạc ăn tiền tại sòng bạc do M tổ chức, H2 thắng được 200.000đ.

Ngoài ra qua điều tra chứng minh được Thúy H2 đã 01 lần tham gia đánh bạc ăn tiền tại sòng bạc do M tổ chức vào ngày 15/3/2018 và thắng được 200.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2019/HSST ngày 29/03/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

* Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội " Tổ chức đánh bạc"; Các bị cáo Nguyễn Thị Ánh H Kiều Thị M1, Trịnh Văn C, Nguyễn Thị H1 (Q), Trần Thúy H2, Cù Văn T2, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Đức N, Lê Thị N1, Dương Thị Thanh T, Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn T1 phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ các điểm a, đ khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 09 (Chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T **06** (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56, Điểm b khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt của bản án số 01/2018/HSST; Ngày 04/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang. Hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại phải chấp hành theo bản án là 12 (mười hai) tháng 06 (sáu) ngày; Quy đổi 03 ngày cải tạo không giam giữ thành 01 ngày tù. Như vậy 12 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ = 4 tháng 2 ngày tù.

Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là **10** (mười) tháng **02** (hai) ngày tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Thị Thanh T **03** (ba) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N **03** (ba) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phạt án treo, cải tạo không giam giử đối với các bị cáo Nguyễn Thị Ánh H, Trần Thúy H2, Lê Thị N1, Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn T1, Kiều Thị M1, Trịnh Văn C, Nguyễn Thị H1 (Q), Cù Văn T2, Nguyễn Thị S, Lê Thị N1, Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn T1, tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/4/2019, bị cáo Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Ngày 05/4/2019, bị cáo Dương Thị Thanh T có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Ngày 04/4/2019, bị cáo Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Ngày 29/03/2019, bị cáo Nguyễn Đức N có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang đã xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Bị cáo Nguyễn Thị M và bị cáo Nguyễn Thị T xin rút kháng cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Đức N và bị cáo Dương Thị Thanh T giữ nguyên

nội dung kháng cáo với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn, lao động chính, hộ nghèo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho 02 bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T do 02 bị cáo rút kháng cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Đức N và bị cáo Dương Thị Thanh T có kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, đề nghị HĐXX căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 giữ nguyên án sơ thẩm.

**Luật sư bào chữa cho bị cáo Dương Thị Thanh T trình bày quan điểm:*

Luật sư cho rằng bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gồm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo không thuộc trường hợp có nhân thân xấu do trước đây bị cáo bị phạt tù giam đã chấp hành xong và đương nhiên được xóa án tích; hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo là lao động chính, đang nuôi mẹ già, con bị cáo bị tai nạn giao thông hiện không đi lại được, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị M và bị cáo Nguyễn Thị T tự nguyện rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với 02 bị cáo.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức N, Dương Thị Thanh T: Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người trưởng thành, nhận thức được hành vi đánh bạc ăn tiền pháp luật nghiêm cấm, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi sát phạt lẫn nhau nhằm mục đích thu lợi bất chính cho bản thân. Bị cáo Dương Thị Thanh T đã từng bị xử phạt tù về hành vi "Trộm cắp tài sản", bị cáo Nguyễn Đức N cũng từng bị xử phạt tù về hành vi "Cố ý gây thương tích", cả 02 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, được đương nhiên xóa án tích, lẽ ra cả 02 bị cáo nên sửa đổi bản thân, chấp hành nghiêm pháp luật, nhưng 02 bị cáo không chịu sửa đổi mà tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc ăn tiền. Do đó, với tính chất, mức độ và hậu quả từng bị cáo gây ra cần tuyên cho các bị cáo mức án nghiêm.

Án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Dương Thị Thanh T, Nguyễn Đức N như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối

cải, các bị cáo đều là lao động nghèo, sống ở vùng thôn quê, trình độ văn hóa thấp nên am hiểu pháp luật có phần còn hạn chế từ đó áp dụng cho 02 bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, hai bị cáo Dương Thị Thanh T, Nguyễn Đức N chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng cấp sơ thẩm lại áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo dưới khung hình phạt là có thiếu sót; sai sót này của cấp sơ thẩm không bị kháng nghị và theo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo, cấp phúc thẩm đề nghị cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Đức N, Dương Thị Thanh T kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Xét thấy mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên cho từng bị cáo đều dưới khung hình phạt, là mức án thấp nhất của hình phạt tù, đảm bảo được tính răn đe, giáo dục, phù hợp với tính chất, vai trò, hành vi phạm tội của từng bị cáo; do đó kháng cáo của các bị cáo không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Dương Thị Thanh T: Hội đồng xét xử thấy rằng Luật sư nhận định bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gồm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo Nghị quyết 02/2018 của Tòa án nhân dân tối cao. Theo quan điểm của Luật sư, xét toàn diện thì vụ án trên có 14 bị cáo, bị cáo T là một trong 04 bị cáo bị xử phạt tù và là 01 trong 03 bị cáo trước đây đã từng bị kết án; để phát huy tính răn đe, nâng cao công tác giáo dục, phòng ngừa trong đấu tranh phòng chống loại tội phạm này, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giữ nguyên mức phạt tù đối với các bị cáo nhằm góp phần giữ vững ổn định an ninh, trật tự tại địa phương. Nếu bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính, chưa thể chấp hành án ngay được thì bị cáo có quyền làm đơn xin được hoãn thi hành án.

[5] Qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên; không chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo Dương Thị Thanh T, Nguyễn Đức N và quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Dương Thị Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị M và bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Dương Thị Thanh T, Nguyễn Đức N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. - Căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị M và bị cáo Nguyễn Thị T do 02 bị cáo tự nguyện rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Thị Thanh T, Nguyễn Đức N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Dương Thị Thanh T **03** (ba) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N **03** (ba) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thị M và bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Dương Thị Thanh T và Nguyễn Đức N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG (3);
- Bị cáo (3);
- Cơ quan điều tra huyện Hòn Đất (1)
- VKS huyện Hòn Đất (1)
- Tòa án huyện Hòn Đất (1)
- Thi hành án HS huyện Hòn Đất (3)
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất (1)
- Tổ hành chính tư pháp TAT (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Luật sư (1)
- Lưu tòa HS (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Võ Kế Nghiệp